

## DỊCH VĂN HỌC PHƯƠNG TÂY Ở SÀI GÒN – GIA ĐỊNH TRONG BUỔI BÌNH MINH CỦA VĂN HỌC QUỐC NGŨ

Đoàn Lê Giang<sup>(1)</sup>, Phạm Thị Tố Thy<sup>(2)</sup>

(1) Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (VNU-HCM),

(2) Trường Đại học Trà Vinh

### TÓM TẮT

*Từ cuối thế kỷ XIX đến 1932 có thể coi là giai đoạn đầu của văn học quốc ngữ Latin. Trong buổi bình minh ấy, Sài Gòn – Gia Định có vai trò tiên phong, không chỉ ở phương diện sáng tác mà cả ở phương diện dịch thuật. Trên văn đàn rộ lên một phong trào dịch và phóng tác văn học phương Tây ở hầu khắp mọi thể tài: tiểu thuyết dã sử, tiểu thuyết xã hội, truyện trinh thám, kịch cổ điển, văn học cách mạng... Văn học dịch ở Sài Gòn – Gia Định không chỉ phong phú về số lượng, đa dạng về thể tài mà còn có những đặc điểm riêng biệt, rất thú vị, làm giàu thêm cho kho tàng dịch văn học của nước nhà.*

**Từ khóa:** dịch văn học, văn học quốc ngữ, Trương Minh Ký, Trần Chánh Chiếu

Trong buổi bình minh của văn học quốc ngữ Latin (gọi tắt là “văn học quốc ngữ”), Sài Gòn – Gia Định có vai trò tiên phong, không chỉ ở phương diện sáng tác mà cả ở phương diện dịch thuật. Nếu không kể những bài giảng về cuộc đời chúa Jesus và truyện các Thánh được viết bằng chữ Nôm từ thế kỷ XVII, thì có thể nói Trương Minh Ký là dịch giả văn học phương Tây đầu tiên của nước ta. Mấy chục năm sau, ở Sài Gòn rộ lên một phong trào dịch và phóng tác văn học phương Tây ở hầu khắp mọi thể tài: Trần Chánh Chiếu về tiểu thuyết dã sử; Lê Hoàng Mưu, Hồ Biểu Chánh về tiểu thuyết xã hội, Nguyễn Chánh Sắt, Biền Ngũ Nhy về truyện trinh thám, Nguyễn Háo Vĩnh về kịch (văn học Anh), Trần Huy Liệu về văn học cách mạng... Văn học dịch ở Sài Gòn-Gia Định không chỉ phong phú về số lượng, đa dạng về thể tài mà còn có những đặc điểm riêng biệt, rất thú vị, làm giàu thêm cho kho tàng dịch văn học của nước nhà.

#### 1. Các tác phẩm đăng báo và các dịch giả văn học phương Tây tiên phong ở Nam Bộ

**Những bản dịch đầu tiên ở Gia Định báo:** Người đầu tiên dịch văn học phương Tây ở nước ta là Trương Minh Ký với các dịch phẩm đăng trên *Gia Định báo*. Hiện *Gia Định báo* bị mất mát, tàn khuyết nhiều, tạm thời có thể thống kê một số tác phẩm:

*Chuyện Phan Sa diễn ra quốc ngữ - Fables de la Fontaine* (Truyện ngụ ngôn của La Fontaine), Trương Minh Ký dịch, đăng trên *Gia Định báo* từ năm 1881 đến 1886

*Phú bản diễn ca (Riche et Pauvre)*, Trương Minh Ký dịch, đăng trên *Gia Định báo* số 47 ngày 22/11/1884, đăng không liên tục kéo dài trong 2 năm 1884-1885.

*Télémaque* (dịch từ *Aventures de Télémaque/ Cuộc phiêu lưu của Télémaque* của Fénelon, Pháp), Trương Minh Ký dịch, đăng trên *Gia Định báo* từ số 25 ngày 20/6/1885.

*Francinet*, Trương Minh Ký dịch, truyện dịch đăng trên *Gia Định báo* khởi đăng từ số 36, ngày 5/9/1885.

*Truyện Robinson* của Daniel Defoe đăng *Gia Định báo* số 6 ngày 24/4/1886.

Cuối thế kỷ XIX còn có Trần Nguyên Hanh dịch *Les conseils du Père Vincent* (*Gia huấn của lão Vincent*).

**Trương Minh Ký** (1855 – 1900) là nhà văn, nhà giáo, nhà dịch thuật và nhà nghiên cứu văn học, ngôn ngữ ở Nam Bộ giai đoạn cuối thế kỉ XIX. Ông tham gia Ban Biên tập *Gia Định báo*, viết bài thường xuyên cho *Gia Định báo* và *Thông loại Khóa trình*. Công trình sáng tác, nghiên cứu và dịch thuật: trên 30 tác phẩm, đơn ngữ (Việt ngữ, Hán ngữ và Pháp ngữ) và song ngữ (Pháp – Việt, Hán – Việt, Pháp – Hán). Theo Bằng Giang, với những bản dịch truyện ngụ ngôn La Fontaine đăng trên *Gia Định báo* từ năm 1881 ông là “người mở đầu cũng là người giới thiệu nhiều nhất văn học Pháp ở Việt Nam”. Các dịch phẩm của ông có:

*Chuyện Phan Sa diễn ra quốc ngữ - Fables de la Fontaine* (Truyện ngụ ngôn của La Fontaine), đăng trên *Gia Định báo* 1884-1885, sau đó in ở Nhà hàng C.Guilland et Martinon, S.1884, tái bản có bổ sung đầy đủ bởi Curiol, S.1886

*Truyện Phansa diễn ra quốc ngữ*, Nhà hàng C. Guilland et Martinon xuất bản, S. 1884 – Gồm 12 mẫu truyện ngụ ngôn của nhiều tác giả khác nhau như Fénelon, E.Schmid, J.Florian... được dịch dưới hình thức văn xuôi, không có truyện ngụ ngôn của La Fontaine

*Phú bần diễn ca (Riche et Pauvre)*, đăng trên *Gia Định báo* 1884-1885, sau đó Nhà hàng C.Guilland et Martinon xuất bản, S. 1885.

*Chuyện Télémaque gặp tình cờ* (dịch từ *Aventures de Télémaque/ Cuộc phiêu lưu của Télémaque* của Fénelon, Pháp), đăng trên *Gia Định báo* 1885 (chỉ đề *Télémaque*), sách do Rey et Curiol xuất bản, S.1887.

*Francinet*, truyện dịch đăng trên *Gia Định báo* khởi đăng từ số 36, năm 21, ngày 5/9/1885. Theo Bằng Giang (VHQN NK): đây là truyện nhi đồng đầu tiên của nước ta.

**Huỳnh Tịnh Của** (1830-1908) là nhà từ điển học, nhà báo, nhà biên khảo văn học dân gian. Tuy nhiên ông cũng có dịch văn học phương Tây trong tập truyện *Chuyện giải buồn* (2 cuốn) của ông.

*Chuyện giải buồn* (rút trong các sách hay, để giúp trong các trường học cùng những người học tiếng An Nam), có tài liệu cho rằng in lần thứ nhất năm 1880<sup>(1)</sup>, chúng tôi chỉ có bản in lần thứ 2, Sài Gòn, 1886, tập 1: 100 tr, tập 2: 96 tr. *Chuyện giải buồn - cuốn sau*, in lần đầu năm 1886.

*Chuyện giải buồn* tập 1, tập hợp 68 truyện cổ Trung Quốc, Việt Nam. *Chuyện giải buồn - cuốn sau* tập hợp thêm 51 truyện nữa, chủ yếu là truyện cổ Trung Quốc, Việt Nam. Tuy nhiên bên cạnh đó Huỳnh Tịnh Của cũng dịch thêm một truyện phương Tây. Đó là truyện số 9 có nhan đề là *Truyện hay*: “Thuở xưa nước Rôma giàu mạnh, nhứt thống cả phương Tây cũng như Trung Quốc nhứt thống cả phương Đông. Các vua đời ấy thường ngự giá thân chinh, đánh đông dẹp bắc, thiên hạ đều phục tùng. Có một ông hoàng để đồng binh thuyền, ngự đi đánh phương Nam. Tiền đạo bắt đảng một đảng ăn cướp biển, dẫn đầu đảng đi nạp...”. Huỳnh Tịnh Của không cho biết dịch hay sưu tầm ở đâu, bằng tiếng gì, của ai. Yếu tố ngoại lai duy nhất mà chúng tôi nghĩ là truyện dịch đó là bối cảnh “Rôma” của câu chuyện.

**Trương Vĩnh Ký** (1837 - 1898) đầu là học giả, nhà văn quốc ngữ tiên phong, nhưng cố gắng chủ yếu của ông là sưu tầm, ghi chép văn học dân tộc và các vấn đề ngôn ngữ, học thuật khác. Trong các danh mục kê tên sách vở của ông hầu như không nói đến việc ông dịch văn học phương Tây, tuy nhiên nếu đọc kỹ thì cũng thấy trong *Miscellanées* (*Thông loại khóa trình*, từ số 2 (tháng 6 năm 1889) đổi thành *Sự loại thông khảo*) ông cũng có công bố 2 bản dịch: *Chuyện vui* (*Chuyện khôi hài bên Tây*) và *Tích ông Esope*.

(1) *Chuyện vui*, khởi đăng từ số 2 năm 1888, họ Trương không đề nguồn dịch cũng như tác giả. Xin trích đoạn mở đầu: “Thuở xưa bên *Âlaba* (Tây) trong Nước Grécia có một người quân tử tên là *Diogènes* bữa kia đang đứng bóng (giữa ban ngày) thấp đèn đi giữa chợ đông, dường như xách đi tìm kiếm giống gì vậy. Người ta thấy vậy mới hỏi ông chớ ông kiếm gì vậy? Thì ông nói: Tôi kiếm người ta. Ông có ý cho người ta biết trong thành ấy phong hóa cang thường đã hư đi, không còn có ai đáng gọi là người ta nữa” (tr.4).

Bẵng đi rất lâu sau – một năm sau, đến số 2 (tháng 6/1889, *Thông loại khóa trình* được đổi thành *Sự loại thông khảo*) ông mới dịch và đăng tiếp *Chuyện vui* với tên mới là *Chuyện khôi hài bên Tây*. Đó là truyện *Rượu xấu*: “Có một người kia ưa uống rượu nho lắm, mà nó nói rượu nho có hai cái xấu rằng: như tôi pha nước vào thì tôi làm cho nó hư đi; mà như không pha, thì nó làm cho tôi hư đi” (tr.7). *Chuyện khôi hài bên Tây* liên tục được Trương Vĩnh Ký dịch và đăng 4 số sau đó, cho đến khi *Miscellanées* bị đình bản, đó là các số: *Sự loại thông khảo* số 3 (tháng 7/1889: “Có ông hoàng đế kia nguyên giận lão thầy coi thiên văn kia thì vua đòi mà ban hỏi và

rằng: lão kia, mày tưởng mày sẽ chết vì nghiệp gì?...”); số 4 (tháng 8/1889: “Người kia có 2 đứa con trai: một đứa hay ngủ nướng, còn một đứa siêng năng lắm hay thức dậy sớm luôn...”); số 5 (tháng 9/1889: “Có chú bếp ở trong đội lính hộ vệ vua Frédéric le Grand. Chú ấy hay làm tốt, mà lại là lính giỏi nữa...”); số 6 (tháng 10/1889: “*Đẩy tứ siêng năng*. Ông Saint Germain nói với thằng đẩy tứ ông rằng: Lạ này! Cái thằng này nó làm sao ấy mà! Hề tao có đi đâu về, thì tao thường thấy mày ngủ hoài thôi! Nó thưa rằng: Lạy ông, chớ sao! Là cái tánh tôi không có ưa ở không.”).

(2) *Tích ông Esope*, khởi đăng từ số 1 (tháng 5 năm 1889). Xin trích đoạn mở đầu: “Ông Esope là người xứ Phrygia, sanh ra 200 năm sau khi khai sáng thành Rôma. Trời sinh ra cũng dị: sinh ra người có thiên tư trí huệ tốt chúng, mà hình dáng mặt mũi ô dề xấu xa, coi gần không ra hình tượng người ta, lại cho ngọng lịu nói không có sửa. Dầu chẳng phải số phận làm tôi mọi thì cũng không khỏi làm tôi mọi...” (tr.12).

Sau đó truyện liên tục được đăng ở 3 số sau: *Sự loại thông khảo* số 2 (tháng 6/1889): “Ông Xantus có một người vợ, ý ở khó lắm...”; số 3 (tháng 7/1889), *Tích ông Esope* (tiếp theo): “Chủ tuy dỗi mà phận nào có dỗi? Ở nơi chủ mới có anh Zénas coi việc đó và xem sóc các tôi mọi...”; số 4 (tháng 8/1889), *Tiếp theo tích ông Esope*: “Bữa kia ông Xantus có ý muốn mời đãi anh em bạn một bữa cho tử tế thì biểu Esope đi chợ lựa cái gì tốt hơn hết thì mua mà dọn, đừng có mua giống gì khác nữa làm chi, Esope tính là trẹo chơi, vậy chú va đi chợ tinh mua những lưỡi đem về, thứ nấu thế này, thứ nấu thế kia mà cũng lưỡi cả...”.

Có thể nói Trương Vĩnh Ký là người đầu tiên dịch truyện cười phương Tây cũng như truyện ngụ ngôn Esope ở nước ta.

**2. Dịch và phóng tác văn học phương Tây ở Sài Gòn – Gia Định đầu thế kỷ XX**

**Trần Chánh Chiêu** (1867-1919) là nhà văn, nhà báo, nhà hoạt động duy tân. Ông cũng là một trong những dịch giả văn học Pháp tiên phong. Hai tiểu thuyết dịch nổi tiếng của ông là:

*Tiền căn báo hậu – Công tước Mông-tê Cà-rit-tô sự tích* (của ông Alexandre Dumas cha soạn), đăng trên *Lục tỉnh tân văn*, 1907, bút hiệu: Kỳ Lân Các, Imp.de l’Union, nhà in Nguyễn Văn Cửa, 1914, Impr. l’Union, Sài Gòn, 1914-1915, 8 tập đóng chung thành một cuốn;

*Ba người ngư lâm pháo thủ* (phỏng dịch *Les trois mousquetaires*) đăng trên *Lục tỉnh tân văn*, từ số 269 (10/4/1913) đến số 338 (13/8/1914)

**Lê Hoàng Mưu** (1879 - 1942) là nhà văn táo bạo với nhiều đột phá mới mẻ, là

nhà báo, chủ bút của những tờ báo lớn như *Nông cổ mín đàm* (1912, 1915), *Lục tỉnh tân văn*, *Long Giang độc lập* (1930, 1931), *Công luận báo*. Ông cũng là một trong những dịch giả tiên phong. Các tác phẩm văn học mà ông dịch có: kịch thơ *Rocambole Tome V. Les drames de Paris* của A.Dumas năm 1912; *Vi Lê giết vợ*, Tiểu thuyết, dịch từ truyện Nga (*Nông cổ mín đàm* từ số 74 (25/11/1915) đến số 79 (30/12/1915))...

**Hồ Biểu Chánh** (1885-1958) là nhà văn cự phách nhất của văn học Nam Kỳ đầu thế kỷ XX. Ông viết rất nhiều, cả đời sáng tác của ông có lẽ viết đến trên dưới 60 quyển tiểu thuyết. Trong các tiểu thuyết của ông, nhất là giai đoạn đầu có nhiều cuốn phóng tác từ những tiểu thuyết phương Tây, đa số là Pháp, như ông đã kể trong *Đời văn nghệ của tôi* gồm có 12 tác phẩm:

STT	Tác phẩm của Hồ Biểu Chánh	Phóng tác từ	Của nhà văn
1.	<i>Chúa tàu Kim Quy</i>	Le comte de Monté Cristo (Bá tước Monté Cristo)	Alexandre Dumas
2.	<i>Cay đắng mùi đời</i>	Sans Famille (Không gia đình)	Hector Malot
3.	<i>Chút phận lênh đênh</i>	En Famille (Trong gia đình)	Hector Malot
4.	<i>Thầy thông ngôn</i>	Les Amours d'Estèves	André Theuriet
5.	<i>Ngọn cỏ gió đùa</i>	Les Misérables (Những người khốn khổ)	Victor Hugo
6.	<i>Kẻ làm người chịu</i>	Les deux gosses	Pierre Decourselle
7.	<i>Vì nghĩa vì tình</i>	Fanfan et Claudinet	Pierre Decourselle
8.	<i>Cha con nghĩa nặng</i>	Le calvaire	Pierre Decourselle
9.	<i>Ở theo thời</i>	Topaze	Marcel Pagnol
10.	<i>Ông cử</i>	L'Artiste	Không rõ
11.	<i>Đóa hoa tàn</i>	Le Rosaire	Octave Mirbeau
12.	<i>Người thất chí</i>	Crimes et Châtiment (Thăng ngục)	Féodor Dostoievski

**Nguyễn Chánh Sắt** (1869 – 1947) là nhà văn, nhà báo, nhà hoạt động xã hội nổi tiếng của Nam Kỳ trước 1945. Từ thập niên 1910 ông đã dịch một số tiểu thuyết Pháp mà tập trung là tiểu thuyết trinh thám đăng trên *Nông cổ mín đàm* – tờ báo duy tân kinh tế đầu tiên của Nam Kỳ, ra số đầu vào đúng năm đầu tiên của thế kỷ XX (1901): *Mười lăm năm một chữ tình*, Nguyễn Bá

Nghiêm, tiểu thuyết Langsa diễn ra quốc âm, *Nông cổ mín đàm* số 25 (19-7-1917) - Số 29 (23-8-1917); *Trinh thám tiểu thuyết* (Nguyễn Bá Nghiêm diễn nôm) *Nông cổ mín đàm* Số 92 (12-12-1918) kết thúc; *Trinh thám tiểu thuyết* (truyện mới) (*Nông cổ mín đàm* từ số 79 (tháng 9/ 1918) đến số 85 (tháng 10/1918).

**Nguyễn Háo Vĩnh** (1893-1941) là nhà hoạt động duy tân, từng sang Nhật theo phong trào Đông du. Bị trục xuất khỏi Nhật năm 1908, ông lui về Hongkong học trường Saint Jesy. Tốt nghiệp, sang Anh với ý định tìm gặp Cường Để, nhưng gặp được thì ông thất vọng trở về nước sau hơn 10 năm xuất dương. Về nước làm báo, chủ nhà in. Ông là dịch giả dịch văn học Anh vào loại đầu tiên nước ta (sau người dịch *Truyện Robinson* trên *Gia Định* báo 1886). Ông chỉ dịch chuyên về bi kịch và hài kịch của W.Shakespeare: *Chú lái buôn thành Venice*, Nam Phong tạp chí tập IV, số 21, 3/1919, in thành sách với nhan đề *Chuyện rút trong bốn tuồng "Le Marchand de Venice" của W.Shakespeare*, do Nhà in Xưa Nay, 1930; *Vậy thì vậy*, chuyện rút trong bốn tuồng *Asyon like* của văn hào Ừng lê có danh tiếng lớn nhất trong thế giới tên là William Shakespeare, Sài Gòn, Nhà in Xưa nay, 1927. Ông có dịch hai vở bi kịch: *Thái tử Hamlet* và *Romeo Juliet*, hiện chưa tìm được.

**Phan Thị Bạch Vân** (Hoàng Thị Tuyết Hoa, 1903-1980) là nhà văn, nhà báo yêu nước, nhà hoạt động nữ quyền nổi bật ở Nam Bộ trước 1945. Bà dịch một số sách về các tấm gương phụ nữ yêu nước và cách mạng Trung Quốc và châu Âu, trong đó có tác phẩm: *Guong nữ kiệt* (tiểu sử bà Roland, nữ kiệt thứ nhất châu Âu, Phan Thị Bạch Vân, Nữ Lưu Thơ Quán Gò Công, Gò Công, in lần thứ nhất, nhà in Bảo Tồn, 1928, sách bị cấm).

Bà chủ trương bộ *Tinh thần phụ nữ* (*Nữ lưu thơ quán Gò Công* xuất bản được 8 số vào 1929), có thể coi như tạp chí phụ nữ đầu tiên của nước ta (mà báo phụ nữ đầu tiên *Nữ giới chung* do Trương Nguyệt Anh làm chủ bút). Trên *Tinh thần phụ nữ*, Phan Thị Bạch Vân đã giới thiệu một cách có hệ

thống học thuyết Darwin (*Học thuyết và lược truyện ông Đạt Nhĩ Văn* (Darwin), khởi đăng từ tập 1/1929), tư tưởng của Montesquieu (*Học thuyết của Mạnh Đức Tư Cru* (Montesquieu), Nguyễn Thị Đan Tâm dịch thuật, khởi đăng từ tập 2/ 1929).

**Nguyễn An Ninh** (1900-1943) là nhà cách mạng, nhà văn, nhà báo. Ông đã từng dịch và giới thiệu những tác phẩm kinh điển của các nhà khai mông chủ nghĩa, các lãnh tụ cộng sản như: *Dân ước, dân quyền, dân đạo* (dịch); *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền*; *Bản Tuyên ngôn cộng sản* đăng trên các báo: *La Cloche Fêlée* (Chuông rè), *Trung lập*, *La Lutte*, *Đuốc nhà Nam...*

**Trần Huy Liệu** (1901-1969) là nhà cách mạng, nhà văn, dịch giả. Năm 1924 ông vào Sài Gòn, hoạt động rất mạnh trong làng văn, làng báo Sài Gòn với tư cách là một nhà yêu nước. Ông 1928 ông thành lập Cường học thư xã chuyên xuất bản loại sách tuyên truyền cho tư tưởng yêu nước - cách mạng. Có thể kể các tác phẩm:

*Anh hùng yêu nước*: Ông Nạp Nhĩ Tôn (Nelson) / Lâm Vạn Lý, Trần Huy Liệu dịch, In lần thứ 1, Sài Gòn, Impr. Đức Lưu Phương, 1928, (Cường học Thư xã: Giữ đạo đức, mở trí thức, chấn tinh thần).

*Guong phục quốc* (Ý Đại Lợi tam kiệt): *Truyện ba vị Anh kiệt dựng nước Ý Đại Lợi* (Italia), Lương Khải Siêu viết, Trần Huy Liệu dịch, In lần thứ 1, Sài Gòn, Impr. Thạch Thị Mậu, 1928, (Cường học Thư xã)

*Hiến thân cho nước*: *Truyện ông Cát Tô Sĩ Louis Kossuth*, Lương Khải Siêu viết, Trần Huy Liệu dịch, Sài Gòn, Impr. Thanh Thị Mậu, 1928, (Cường học Thư xã).

*Tân quốc dân*, Trần Huy Liệu, Đào Khắc Hưng dịch, In lần thứ 1, Sài Gòn, Nhà in Tam Thanh, 1928, (Cường học Thư xã).

*Tân quốc dân*, Trần Huy Liệu dịch, In lần thứ 1, Sài Gòn, Nhà in Thạch Thị Mậu, 1929, (Cường học Thư xã).

*Thần Cộng hòa: Sái Ngạc*, Trần Huy Liệu biên dịch, In lần thứ 1, Sài Gòn, Impr. Đức Lưu Phương, 1928 (Cường học Thư xã).

### 3. Một vài đặc điểm văn học dịch phương Tây ở Sài Gòn – Gia Định

#### 3.1. Tiên phong trong cả nước và Đông Á

Dịch văn học ở Nam Bộ là bộ phận tiên phong của văn học quốc ngữ và của văn học dịch cả nước. Từ đầu thập niên 1880 *Truyện ngụ ngôn của La Fontaine* (với nhan đề *Truyện Phan sa diễn ra quốc ngữ*) do Trương Minh Ký dịch đăng ở *Gia Định báo* có thể là cái mốc khởi đầu cho văn học dịch phương Tây ở Việt Nam. Vào thời điểm ấy ở Bắc Bộ vẫn chưa biết đến báo chí, càng chưa biết đến văn học phương Tây. Văn học dịch ở Bắc Bộ sẽ diễn ra hơn trên dưới 30 năm sau với *Truyện ngụ ngôn của La Fontaine* do Nguyễn Văn Vĩnh dịch một phần trên *Đại Nam đặng cổ tùng báo* năm 1907, dịch đầy đủ trên *Đông Dương tạp chí* từ 1913 đến 1915.

Nếu so với các nước Đông Á như Nhật, Trung Quốc, Hàn Quốc thì việc dịch văn học phương Tây ở Nam Bộ Việt Nam cũng vào loại sớm.

Ở Nhật Bản, năm 1877 Hattori Toku dịch *Dân ước luận* của Rousseaux; 1878 Kawajima Chunosuke dịch *Tám mươi ngày vòng quanh thế giới* của Jules Verne; 1883 Nakae Chômin dịch và giải thích *Dân ước dịch giải* của Rousseaux; 1896 xuất hiện bản dịch *Cha và con* của nhà văn Nga Ivan Turgenev...

Ở Trung Quốc, năm 1898 bản dịch *Trà hoa nữ* của nhà văn Pháp A. Dumas (con) được nhiều người coi là sự kiện mở đầu

cho việc dịch văn học phương Tây ở Trung Quốc. Sau đó năm 1902 xuất hiện bản dịch *Những cuộc phiêu lưu của Robinson* của nhà văn Anh D. Defoe.

Hàn Quốc đến đầu thế kỷ XX mới bắt đầu xuất hiện những bản dịch đầu tiên tiểu thuyết phương Tây<sup>(2)</sup>.

Như vậy ở Nam Bộ Việt Nam, năm 1881 Trương Minh Ký đã dịch văn học Pháp, 1886 một dịch giả nào đó đã dịch *Robinson* trên *Gia Định báo*, 1889 Trương Vĩnh Ký đã dịch *Truyện ngụ ngôn Esope*, thì việc dịch văn học ở Việt Nam chỉ sau Nhật Bản vài năm, nhưng trước khá xa Trung Quốc và Hàn Quốc.

#### 3.2. Về nội dung và thị hiếu

Dịch văn học phương Tây ở Nam Bộ chủ yếu là dịch văn học Pháp, các nền văn học khác được dịch rất ít, mặc dù văn học Anh hay các nước Tây Âu khác cũng rất có giá trị, văn học Nga thế kỷ XIX đạt đến trình độ bậc thầy. Văn học Anh được dịch truyện *Robinson* của Defoe, kịch của Shakespeare (Nguyễn Háo Vĩnh dịch đăng trên *Nam phong* và in ở nhà in Xưa Nay của chính dịch giả). Văn học Nga chỉ được dịch một vài tác phẩm không tiêu biểu lắm (Lê Hoàng Mưu dịch trên *Nông cổ minh đàm*), hay một danh tác của Dostoievsky (Hồ Biểu Chánh dịch tiểu thuyết *Thằng ngốc*). Trong khi đó ở Nhật Bản, văn học Anh, Nga rất được yêu thích; còn ở Trung Quốc thì văn học Anh, Đức – bên cạnh văn học Pháp.

Về quan điểm dịch thuật, dịch văn học ở Nam Bộ khởi đi từ dịch để chủ yếu là *học chữ quốc ngữ*, đến chỗ dịch để *mô phỏng*, rồi đến dịch để *thưởng lãm* và dịch để *khai minh*.

Trương Vĩnh Ký dịch ngụ ngôn Esope trong *Thông loại khóa trình*, thì chỉ cần đọc

tên tạp chí đã thấy mục đích học tập của tờ học báo này rồi: Giáo trình học tập theo từng loại thông thường. Mục đích ấy được nói rất rõ trong lời mở đầu tạp chí: “Coi sách dạy làm nó cũng nhàm, nên phải có cái chi vui pha vào một hai khi, nó mới thú”.

Trong *Chuyện giải buồn*, Huỳnh Tịnh Của ghi rõ ngay mục đích ở trang bìa: “*Để giúp trong các trường học cùng những người học tiếng Annam*” (bản in Quán hạt, 1886).

Sang đến đầu thế kỷ XX, các nhà văn dịch để mô phỏng mà từ đó sáng tác ra tiểu thuyết của mình. Đó là trường hợp Trần Chánh Chiêu, Lê Hoàng Muru, Hồ Biểu Chánh, Trương Duy Toàn, Nguyễn Chánh Sắt, Biên Ngũ Nhy... Cùng với mục đích mô phỏng và sau giai đoạn mô phỏng là dịch để giới thiệu cái hay của nền văn học các nước để thưởng lãm. Ta có thể đọc được quan niệm này trong lời nói đầu do Trần Chánh Chiêu viết trong tác phẩm dịch *Tiền căn báo hậu*:

“*Đọc các truyện tiểu thuyết Lang-sa thấy được truyện “Tiền căn báo hậu” này rất thú vị vô cùng. Nên ta chịu khó dịch ra cho bạn đồng bang nhàn lãm (...).*

*Vậy có thơ rằng:*

*Nghĩ ngán đời sao những bất bằng,*

*Thù sâu thể quyết trả phăng phăng.*

*Nước còn chau mặt cùng Đấng-Lạc (Danglars)*

*Đá vẫn cầm gan với Phec-Năng (Fernand)*

*Một túi càn khôn thay xác quỷ,*

*Ngàn trùng ba lãng hiện hình trăng.*

*Nghiêng mình đứng giữa hòn vô chủ,*

*Hỡi lũ quyền gian có biết chăng?*

(bản in nhà in Nguyễn Văn Cửa, 1914)

Bên cạnh đó có bộ phận văn học dịch để khai minh, để làm cách mạng. Đó là trường hợp Phan Thị Bạch Vân, Nguyễn

An Ninh, Nam Kiều Trần Huy Liệu. Tư tưởng khai sáng ít nhiều đã được nói trên trong trường Đông Kinh Nghĩa Thục và phong trào Duy tân, nhưng dịch, giới thiệu một cách nghiêm túc, cho quốc dân đồng bào xem thì phải đến các dịch giả này.

Về các trào lưu văn học, quan sát việc dịch văn học ở Nam Bộ, người ta có cảm giác như nó diễn lại tiến trình lịch sử văn học Pháp: Bắt đầu từ việc dịch các tác phẩm có tính tôn giáo, đạo đức (*Phú bản truyện*, *Gia huấn của lão Vincent* do Trương Minh Ký dịch) – sau đó là các truyện ngụ ngôn, phiêu lưu, các truyện tình cảm (*Truyện ngụ ngôn La Fontaine*, *Télémaque*, *Ronbinson*, *Không gia đình...*) – sau đó mới là tiểu thuyết lãng mạn (*Những người khôn khổ*), hiện thực và tự nhiên chủ nghĩa (*Thằng ngốc*).

Về thị hiếu văn học dịch, ở Nam Bộ văn học phiêu lưu, hành động, kết thúc có hậu có vẻ được yêu thích. Đó là việc dịch từ rất sớm: *Télémaque*, *Le comte de Monté Cristo* (Bá tước Monté Cristo), *Sans Famille* (Không gia đình), *En Famille* (Trong gia đình), hay các truyện trinh thám do Biên Ngũ Nhy, Nguyễn Cảnh Sắt dịch, phóng tác... Các tiểu thuyết đã sử đề cao lòng trung nghĩa cũng rất được yêu thích, trong đó tác phẩm được yêu thích nhất là bộ *Ba người ngự lâm pháo thủ* (phỏng dịch *Les trois mousquetaires* của A.Dumas (cha)). Sở dĩ như vậy vì trong văn học Nam Bộ từ trước đã có truyền thống văn học bình dân và truyền thống đề cao lòng trung nghĩa (*Lục Vân Tiên* và các truyện Nôm khác).

Trong văn học dịch ở Nam Bộ, các tác phẩm văn học yêu nước và cách mạng khá nhiều và tương đối tự do, mà tiêu biểu là 3 dịch giả Phan Thị Bạch Vân với tủ sách Nữ lưu thơ quán Gò Công, Nguyễn An Ninh với tờ *La Cloche Fêlée* (*Chuông rè*) và

Nam Kiêu Trần Huy Liệu với từ sách Cường học thư xã. Tại sao như vậy? Lý do quan trọng nhất là Nam Kỳ là xứ trực trị nên được hưởng quy chế tự do nhất định, hơn hẳn Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

### 3.3. Về hình thức dịch

Trong giai đoạn đầu tiên của việc dịch thuật, hình thức thể loại còn bị chi phối bởi thị hiếu trung đại: thích thơ ca. Vì vậy *Aventures de Télémaque* của Fénelon cũng được Trương Minh Ký dịch ra thơ lục bát. Tác phẩm mở đầu thể này:

*Thanh nhàn coi truyện Phansa,  
Suy đi xét lại ngâm nga nên lời.  
Từ khi Ulysse (U-lich) đi rồi,  
Nàng tiên Calypso (Ca-lýp-so) người  
đặng nào.*

*Trong khi sát ruột tợ bào,  
Trường sanh bắt tử xiết bao nỗi phiền.  
Vẳng nghe ngâm ngợi cung tiên,  
Các nàng hầu hạ dám lên tiếng gì.  
Một mình thơ thần ra đi,  
Dạo xem hoa cỏ xanh rì cù lao.  
Nàng càng ủ liểu phai đào,  
Nhớ chàng Ulysse ra vào đâu đây.  
(Chuyện Télémaque gặp tình cờ)*

Rồi *Riche et Pauvre* cũng được “diễn ca” thành thơ lục bát *Phú bần truyện diễn ca*:

*Việc đời nhơn lúc thành thời,  
Phangsa ngoại truyện diễn lời quốc âm.  
Trời kia cao, biển nọ thâm,  
Để ai độ lượng khỏi làm vậy vầy.  
Điều nghi rủi, chẳng ngờ may,  
Cho hay muôn sự ở tay thợ trời.  
Có người phú quý trên đời,  
Wildstrom (Huỳnh-Trôm) viên ngoại ở  
nơi Tây thành.  
Chông nhơn đức, vợ hiền lành,  
Nơi xa đẹp dạ, chung quanh bằng lòng.  
(Phú bần truyện)*

Ý thức về dịch văn học của Trương Minh Ký cũng như các dịch giả khác, rất khác quan niệm dịch văn học hiện nay. Ngày nay cho *Tín, Đạt, Nhã* – 3 từ khóa do Nghiêm Phục đề xướng là 3 tiêu chuẩn vàng của việc dịch văn học. Nếu nhìn như thế thì trong cái gọi là dịch văn học ngày trước có nhiều tác phẩm là Chuyển thể (2 tác phẩm nói trên của Trương Minh Ký), Phóng tác (như trường hợp Hồ Biểu Chánh), các trường hợp còn lại có khi là “Tác dịch”, “Phóng dịch”, “Phông dịch” hơn là dịch trực tiếp, nghiêm cẩn – dịch như “một nghệ thuật, một khoa học” (tên một quyển sách dịch văn học).

Về việc phiên âm tên trong tác phẩm, các dịch giả Nam Bộ không lựa chọn cách phiên âm Hán hóa (trừ 2 trường hợp trên *Tinh thần phụ nữ* nói trên) mà lựa chọn dùng nguyên ngữ hay cách phiên âm trực tiếp từ nguyên tác, thậm chí nhiều trường hợp khá khoa học: phiên âm rồi mở ngoặc nguyên ngữ hoặc ngược lại. Trương Vĩnh Ký dùng nguyên ngữ: “Ông Esope là người xứ Phrygia, sanh ra 200 năm sau khi khai sáng thành Rôma” (*Tích ông Esope*). Trương Minh Ký để nguyên ngữ trước, mở ngoặc cách đọc sau: “Từ khi Ulysse (U-lich) đi rồi/ Nàng tiên Calypso (Ca-lýp-so) người đặng nào” (*Chuyện Télémaque gặp tình cờ*). Kỳ Lân Các (Trần Chánh Chiếu) thì chọn phiên âm trước mở ngoặc nguyên ngữ sau: “Mạt-xây-thành (Marseille) tấn khẩu. (...) Có một chiếc tàu Pha-ra-ông ba cột ở xứ Xi-miét (Simyrae) Tri-e (Trieste) và Nap (Naples) mới vào cửa biển. Theo lệ thường thì có một tên hoa tiêu chạy ghe ra đó mà dắt, mà cũng thường lệ khi ấy hễ có tàu vào cửa biển Mạt-xây” (*Tiền căn báo hậu*).

Về chất lượng bản dịch, có thể nói các bản dịch Việt khá hay, ngôn ngữ sáng tạo, sáng rõ, có tinh nghệ thuật cao. Đơn cử ví dụ bài *Con ve và con kiến*. Đây là bản dịch

của Nguyễn Văn Vĩnh trên *Đại Nam đấng cổ tưng báo* (1907):

*Trên cây có một con Ve  
Hát hết mùa hè, mùa lạnh kiết so  
Ấu là đàn phận đem đầu  
Chạy sang chị Kiến kêu cầu lân bang  
Nhờ bà hàng xóm lòng thương  
Cho vay dăm hột thóc lương trợ thì  
Khi nào hết lạnh sang hè  
Lại xin đem nốt lã lời phân minh  
Nhược bà có bụng nghi tình  
Xin thề giới, phật chứng minh việc này  
Kiến bà tính ghét mượn vay  
Trong nghìn thói độc thói này nhỏ nhen  
Lắc đầu rồi lại còn chèn  
Lúc trời nắng ráo anh em làm gì?  
Ve rằng tôi ngâm phú thi  
Đêm ngày nhai nhai, cái gì cũng ngâm  
Kiến bà chúa tể độc tâm  
Đáp rằng xưa hát, nhảy đầm nay coi!  
Gần một phần tư thế kỷ trước, trên *Gia Định báo* Trương Minh Ký đã dịch cũng khá hay:*

*Con ve, mùa hạ, ngâm nga,  
Sang đông, thốn thiếu xót xa trăm phần.  
Than van với kiến ở gần:  
“Xin giùm ít hột đỡ thân cơ hàn.  
Đến mùa bốn lợi lai hoàn,  
Lòng đâu há dám tính đàng sai ngoa”  
Cho vay đặt nợ gần xa,  
Kiến không nghề đấy hỏi ra tức thì:  
“Mùa khô khi ấy làm chi? –  
Ve rằng: ca xường nhọc khi đêm ngày.  
Kiến rằng: nghề hát vui thay!  
Nào, ra múa thử thì hay bây giờ.”  
Đây khuyên tích cốc phòng cơ  
Ở đời liệu trước chớ chờ khó khăn.  
*Gia Định báo* số 17, thứ bảy 16 tháng*

6 năm 1883.

Ngôn ngữ dịch của Trương Minh Ký khá lưu loát, trong sáng, ít có yếu tố thừa thãi, đôi chỗ dịch rất sáng tạo.

Sang thế kỷ XX, hầu như các dịch giả không dịch từ văn xuôi sang thơ nữa, mà dịch ra văn xuôi luôn. *Tiền căn báo hậu – Công tước Mông-tê Cà-rit-tô sự tích* (của Alexandre Dumas cha) do Trần Chánh Chiêu dịch là một trong những dịch phẩm được yêu thích nhất ở Nam Bộ đầu thế kỷ XX. Xin đọc đoạn mở đầu:

“Mạt-xây-thành (Marseille) tấn khẩu

*Ngày 24 Février 1815 lính thường xuyên canh trên lầu chuông nhà thờ cho hay rằng: có chiếc tàu Pha-ra-ông ba cột ở xứ Xi-mi-et (Simyrae) Tri-e (Trieste) và Nap (Naples) mới vào cửa biển. Theo lệ thường thì có một tên hoa tiêu chạy ghe ra đó mà dắt, mà cũng thường lệ khi ấy hễ có tàu nào vào cửa biển Mạt-xây thì thiên hạ áp lại coi đông đảo, mà nhứt là chiếc Pha-ra-ông, vì là tàu đóng trong bốn xứ, chủ cũng người ở bốn xứ. Song tàu cứ việc chỉ mũi mà vào cửa, xom tới một cách chậm chạp buồn bã, làm trên bờ ai cũng nghi chắc đây dưới tàu có xảy ra chuyện chi bất thường, chớ chẳng không. Nhiều người thạo việc vượt biển nói tàu không hư hao chi, vì bộ lướt tới vững vàng, buồm lạt cột chẳng chi còn y lé. Gần tay lái lại có một vị thiếu niên con mắt đen như mắt quạ, hễ hoa tiêu dạy bát hô cạy thế nào thì va cứ đó mà hô chuyển cho bạn thi hành”.* (Bản nhà in Nguyễn Văn Cửa, 1914).

Bản dịch khá hay, ngôn ngữ phong phú, đậm chất đời. Nếu chú thích một vài từ cổ, từ địa phương thì tác phẩm sẽ trở nên dễ dàng thưởng thức với tất cả những người ở địa phương khác.

#### 4. Kết luận

Dịch văn học là một bộ phận tiên phong trong văn học dịch của Nam Bộ cũng như cả nước. Bên cạnh việc dịch truyện Tàu đến hàng trăm bộ thì việc dịch

văn học phương Tây cũng có vai trò hết sức quan trọng. Nó là dấu tích cho biết quá trình hiện đại hóa của văn học Nam Bộ cũng là của cả dân tộc. Dịch văn học ở Nam Bộ từ chỗ là để học tiếng, đến chỗ dịch để mô phỏng mà sáng tác, rồi dịch để thưởng lãm và khai minh. Quan sát quá trình dịch thuật, chúng ta có thể biết được thị hiếu thẩm mỹ của độc giả Nam Bộ cũng

như sự tiếp biến những ảnh hưởng từ phương Tây. Nhiều tác phẩm dịch khá hay, đến nay vẫn còn nguyên giá trị thưởng lãm. Việc nghiên cứu dịch văn học ở Nam Bộ với những tư liệu gốc, khiến cho chúng ta có thể vẽ ra chính xác hơn, đúng đắn, đầy đủ hơn bức tranh dịch văn học trong tiến trình hiện đại hóa văn học dân tộc.

## TRANSLATION OF WESTERN LITERATURE IN SAIGON - GIADINH IN THE DAWN OF NATIONAL LANGUAGE LITERATURE

Doan Le Giang, Pham Thi To Thy

### ABSTRACT

*The period of late nineteenth century to 1932 can be seen as the early stage of the Latin-based national language literature. In such dawn, Saigon - Giadinh had a pioneering role, not only in terms of composition, but also in terms of translation. In the literary forum, it was the burning of the movement of translation and adaptation of Western literature in almost every possible resource: historical novel, social novel, detective story, classical drama, revolution literature, etc. Translated literature in Saigon-Giadinh not only was rich in quantity and diverse in resources, but also had unique characteristics which were very interesting, enriching the national treasures of translated literature.*

### CHÚ THÍCH VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Theo *Chuyện giải buồn*, NXB Thanh niên, 2002.
- [2] Đoàn Lê Giang chủ biên, “Niên biểu quá trình hiện đại hoá văn học Đông Á”, *Văn học cận đại Đông Á từ góc nhìn so sánh*, NXB Tổng hợp TP.HCM, 2011.
- [3] Đoàn Lê Giang (chủ nhiệm), *Khảo sát, đánh giá, bảo tồn văn học quốc ngữ Nam Bộ cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX*, đề tài trọng điểm Đại học Quốc gia TP.HCM, mã số B2005-18b-07-TĐ, nghiệm thu 2009.
- [4] Đoàn Lê Giang (chủ nhiệm), *Khảo sát, đánh giá, bảo tồn di sản văn học Nam Bộ 1930-1945*, đề tài trọng điểm Đại học Quốc gia TP.HCM, mã số B2008-08b-01 TĐ, nghiệm thu 2012
- [5] Phạm Thị Tô Thy, *Sự nghiệp sáng tác, nghiên cứu và dịch thuật của Trương Minh Ký*, Luận văn thạc sĩ chuyên ngành Văn học Việt Nam, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (VNU-HCM), 2007.

- Ngày nhận bài: 18/5/2015
- Chấp nhận đăng: 20/7/2016

Liên hệ: **Đoàn Lê Giang**

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (VNU-HCM)

Email: doanlegiang@yahoo.com